

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

PHIẾU XỬ LÝ VĂN BẢN ĐẾN

Số đến: 424

Số ký hiệu văn bản: 2676/BNN-KHCN

HS: 17

Ngày đến: 12/04/2016


Trích yếu: Hướng dẫn báo cáo kết quả KHCN, MT, khuyến nông năm 2017

Cơ quan ban hành: Bộ Nông nghiệp và PTNT

Ý kiến của Văn phòng

Kính chuyển :

- *PGD Ngô Thị Lan (b/c)*
- *PGD Phạm Văn Cường (Chức vụ)*
- *Ban KHCN (xây dựng báo cáo)*



Ý kiến của Ban Giám đốc Học viện

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2676** /BNN-KHCN
V/v: Hướng dẫn báo cáo kết quả KH&CN,
MT, khuyến nông năm 2017

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 424
Ngày 12 tháng 4 năm 2016

Hà Nội ngày **15** tháng 4 năm 2016

Kính gửi: Các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành;
Các Viện, Trường và Trung tâm nghiên cứu triển khai,

Căn cứ Công văn số 194/BKHCN-KHTH ngày 19 tháng 01 năm 2016 của Bộ KH&CN về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2017 và các văn bản hướng dẫn kế hoạch về bảo vệ môi trường, khuyến nông, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu các đơn vị báo cáo kết quả năm 2015, sáu tháng đầu năm 2016 với các nội dung sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KH&CN

Đối với các đơn vị hưởng thụ ngân sách KH&CN năm 2016, căn cứ Công văn số 194/BKHCN-KHTH ngày 19/01/2016 của Bộ KH&CN về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2017, các đơn vị báo cáo cụ thể các nội dung sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế, chính sách về KH&CN

Phân tích cụ thể những thuận lợi, khó khăn và những hạn chế bất cập trong quá trình áp dụng những văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực KH&CN ban hành từ khi Luật KH&CN số 29/2013/QH13 có hiệu lực từ 01/01/2014, từ đó đề xuất kiến nghị, sửa đổi bổ sung các cơ chế, chính sách KH&CN cho phù hợp với thực tế.

Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa XI, Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW; Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ, Chiến lược quy hoạch phát triển KH&CN của ngành; Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 5/9/2005 về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập; Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007 của Chính phủ về doanh nghiệp KH&CN; Nghị định số 96/2010/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 5/9/2005 về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập¹.

2. Đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động KH&CN

a) Tình hình thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia

¹ Số lượng đề án phê duyệt, việc thực hiện cơ chế tự chủ về nhiệm vụ, tài chính, quản lý và sử dụng tài sản, quản lý tổ chức và nhân lực; tự chủ về HTQT, khó khăn vướng mắc và đề xuất kiến nghị; hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN...

Đánh giá kết quả nổi bật của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hoạt động ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ; qua đó nhận xét, đánh giá về tác động của các kết quả nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ vào đời sống, phát triển sản xuất kinh doanh của ngành, hiệu quả của hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ (số lượng các công trình nghiên cứu được công bố quốc tế, trong nước; số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích và các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ được cấp bằng bảo hộ, doanh thu từ các hợp đồng tư vấn, chuyển giao công nghệ, khai thác tài sản trí tuệ mạng lại):

- Chương trình sản phẩm quốc gia đến 2020;
- Chương trình phát triển công nghệ cao đến 2020; Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến 2020;
- Chương trình nâng cao năng suất chất lượng, sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến 2020;
- Chương trình Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực NN-PTNT đến năm 2020, Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực thủy sản đến năm 2020;
- Chương trình KH&CN phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015.
- Đánh giá hiệu quả và tác động của việc thực hiện các dự án KH&CN quy mô lớn vào sản xuất kinh doanh.

b) Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ và cấp cơ sở

- Đánh giá kết quả nổi bật của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hoạt động ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ; qua đó nhận xét, đánh giá về tác động của các kết quả nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ vào đời sống, phát triển sản xuất kinh doanh của ngành, hiệu quả của hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ (*Nêu rõ số lượng các công trình nghiên cứu được công bố quốc tế, trong nước; số lượng giống cây trồng, tiến bộ kỹ thuật được công nhận, sáng chế, giải pháp hữu ích và các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ được cấp bằng bảo hộ; doanh thu từ kết quả chuyển giao công nghệ, hợp đồng tư vấn khai thác kết quả khoa học và công nghệ mang lại*)

- Đối với các Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, đơn vị cần đánh giá việc thực hiện các quy định về: tổ chức bộ máy và hoạt động của Phòng thí nghiệm trọng điểm; hoạt động của hội đồng phòng thí nghiệm trọng điểm; cơ chế chính sách đối với hoạt động của phòng thí nghiệm trọng điểm, sản phẩm KH&CN được tạo ra từ hoạt động nghiên cứu của phòng thí nghiệm trọng điểm; những tồn tại và vướng mắc cần khắc phục và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Phòng thí nghiệm trọng điểm. Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ và kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên cho phòng thí nghiệm trọng điểm, hiện trạng và hiệu quả sử dụng trang thiết bị.

c) Đánh giá tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn sự nghiệp KH&CN để tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp

Đơn vị đánh giá kết quả thực hiện các dự án sử dụng vốn sự nghiệp KH&CN để mua sắm trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm, tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động nghiên cứu của đơn vị. Nội dung đánh giá cần gắn với kết quả phục vụ hoạt động khoa học và công nghệ của đơn vị, hoạt động phân tích, đánh giá chất lượng và nâng cao nguồn lực cho nghiên cứu của đơn vị (*nêu rõ hiệu quả khai thác trang thiết bị và cơ sở vật chất đã được đầu tư trong năm phục vụ công tác nghiên cứu khoa học công nghệ...*). Từ đó xác định xây dựng các dự án ưu tiên mở mới từ 2017.

d) Đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động KH&CN phục vụ quản lý.

Đánh giá kết quả chủ yếu, nổi bật của các hoạt động phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực: Tiêu chuẩn- Đo lường- Chất lượng, Sở hữu trí tuệ; Thẩm định và giám định công nghệ, An toàn bức xạ hạt nhân; Thông tin và thống kê KH&CN; Hợp tác quốc tế về KH&CN, Doanh nghiệp KH&CN... Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN không thường xuyên khác. Nội dung đánh giá gắn với hoạt động quản lý nhà nước trong phạm vi được giao. Xác định đóng góp của hoạt động này trong hoạt động sự nghiệp khoa học và sự phát triển của Bộ.

đ) Đánh giá tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN

Đánh giá kết quả thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN, các dự án mua sắm trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm, các dự án đầu tư tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp các tổ chức KH&CN; Báo cáo chi tiết về tình hình phân bổ dự toán, giải ngân, khai thác sử dụng để làm căn cứ khẳng định sự cần thiết phải tiếp tục thực hiện hoặc có chủ trương đầu tư các dự án mới.

e) Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của các tổ chức KH&CN công lập

Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của năm 2015 và 6 tháng đầu năm 2016 theo quy định tại Thông tư 121/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25/8/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KH&CN công lập; Công văn 4079/BKHCN-TCCB ngày 6/11/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KH&CN công lập

Từ tình hình thực tế triển khai năm 2015 và 6 tháng đầu năm 2016, đơn vị cần đánh giá thuận lợi, khó khăn để đề xuất, kiến nghị liên quan đến thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của năm 2017.

g) Đánh giá tình hình phân bổ và kết quả thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN

Đơn vị lưu ý đánh giá tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, kinh phí sự nghiệp dành cho các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp, tuy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN (bao gồm cả các dự án cho các phòng thí nghiệm trọng điểm)... tình hình phân bổ và giải ngân các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN.

h) Đánh giá hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN

Báo cáo về việc thành lập quỹ phát triển KH&CN, tình hình trích lập và sử dụng kinh phí, tình hình tài trợ cho các nhiệm vụ KH&CN, trong đó tập trung vào tình hình xây dựng mới và sửa đổi các văn bản hướng dẫn quản lý và thực hiện các nhiệm vụ của quỹ; số lượng kinh phí đã sử dụng, còn dư chuyển năm sau; các đóng góp nổi bật về khoa học và thực tiễn của các nhiệm vụ KH&CN; đánh giá hiệu quả của việc sử dụng quỹ; những thuận lợi, khó khăn và đề xuất kiến nghị hướng giải quyết.

3. Đánh giá chung

Đánh giá kết quả nổi bật từ hoạt động KH&CN bắt đầu thực hiện từ năm 2011-2016 đã có kết quả. Từ đó nhân mạnh những đóng góp của hoạt động KH&CN vào phát triển ngành. Việc đánh giá thông qua các chỉ tiêu đã đặt ra tại Quyết định số 1244/QĐ-TTg và Quyết định số 418/QĐ-TTg và các chỉ tiêu khác đã đề ra trong hoạt động KH&CN giai đoạn 2011-2015.

Các biểu mẫu tổng hợp chi tiết theo biểu TK1, TK2; và biểu từ 1-8.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Đối với các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành việc đánh giá tình hình quản lý môi trường theo chức năng nhiệm vụ

- Kết quả triển khai thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Luật Đa dạng sinh học năm 2008 theo các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của đơn vị; lồng ghép nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường vào trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển lĩnh vực; xây dựng, trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; thông tin, truyền thông, giáo dục, nâng cao nhận thức về môi trường; phối hợp trong công tác quản lý môi trường; tổ chức bộ máy và năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý, bảo vệ môi trường;

- Kết quả triển khai các nhiệm vụ bảo vệ môi trường cấp Bộ phục vụ công tác quản lý quốc gia về môi trường;

- Kết quả triển khai các đề án, dự án, nhiệm vụ của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã được Bộ giao thực hiện tại Kế hoạch hành động ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm

2020 tầm nhìn đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 1166/QĐ-BNN-KHCN ngày 28/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2. Đối với các Viện, Trường, Trung tâm thuộc Bộ tập trung đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ/dự án bảo vệ môi trường của đơn vị đã và đang thực hiện; Việc đánh giá cần nêu cụ thể kết quả, sản phẩm của các nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường đã triển khai thực hiện;

- Phân tích, đánh giá các mặt được, chưa được, khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

3. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác bảo vệ môi trường

- Các kiến nghị về thể chế, chính sách bảo vệ môi trường;
- Các kiến nghị về công tác quản lý, đầu tư cho bảo vệ môi trường;
- Các kiến nghị về kinh phí thực hiện; khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện theo các văn bản hướng dẫn và đề xuất hướng giải quyết;
- Các kiến nghị khác.

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường năm 2015 và 6 tháng đầu năm 2016 tổng hợp theo Biểu B1.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

Đánh giá cụ thể kết quả năm 2015 và 6 tháng đầu năm 2016

- Xuất xứ kết quả, tên đề tài/dự án, cá nhân chủ nhiệm dự án...
- Thời gian thực hiện, quy mô, số hộ, địa điểm triển khai, đào tạo tập huấn (trong và ngoài mô hình), thông tin tuyên truyền, hội thảo, tổng kết mô hình...
- Báo cáo yêu cầu phải có kết quả cụ thể; đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội; khả năng nhân rộng mô hình; Phân tích, đánh giá các mặt được, chưa được những tồn tại hạn chế; kiến nghị đề xuất trong triển khai thực hiện dự án khuyến nông.
- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ khuyến nông năm 2015 và 6 tháng đầu năm 2016 tổng hợp theo Biểu C1.

(Đối với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia báo cáo đánh giá thêm về kết quả các nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên)

IV. THỜI HẠN

Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện năm 2015 và 6 tháng đầu năm 2016 về Bộ trước ngày 15/6/2016. Báo cáo chuẩn bị theo cỡ chữ 13, kiểu chữ Time New Roman, gửi về Bộ Nông nghiệp và PTNT theo địa chỉ:

Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,
Số 2, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội.

và 01 file điện tử qua địa chỉ Email: khth.khcn@mard.gov.vn; qlkh.khcn@mard.gov.vn; qlcn.khcn@mard.gov.vn; qlmt.khcn@mard.gov.vn; qlkn.khcn@mard.gov.vn.

Để thuận tiện cho việc tổng hợp báo cáo, đề nghị đơn vị tham khảo Công văn hướng dẫn và các biểu mẫu trên trang thông tin điện tử của Bộ: www.mard.gov.vn và trang thông tin của Vụ KHCN&MT: www.vnast.gov.vn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Lê Quốc Doanh (đề b/c);
- Lưu: VT, KHCN. (10 - BTKH)

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC, CÔNG
NGHIỆP VÀ NGHỀ VÀ MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Đơn vị:.....

Biểu TK1

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAI ĐOẠN 2011-2015 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
I	Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học			<i>Ghi rõ các bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế trọng danh sách ISI</i>
1				
2				
...				
II	Sáng chế, giải pháp hữu ích, các loại giống mới; Các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; Các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy thiết bị mới			<i>Ngày, tháng, năm (nộp đơn, công nhận của cơ quan có thẩm quyền)</i>
1				
2				
...				
III	Doanh nghiệp KH&CN mới được hình thành			
1				
2				
...				
IV	Kết quả khác			<i>Ghi rõ thông tin có liên quan đến kết quả</i>
1				
2				
...				

THỐNG KÊ CÁN BỘ KHOA HỌC CỦA CÁC TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU - PHÁT TRIỂN

(Kèm theo Công văn số /BNN-KHCN ngày tháng 3 năm 2016
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Số TT	Tên tổ chức nghiên cứu - phát triển	Số giấy phép đăng ký hoạt động KH&CN	Nhân lực hiện có đến 30/6/2016						Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	Ghi chú*
			Tổng số	Trong đó hưởng lương SNKH						
				Tổng số	Cán bộ nghiên cứu					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	NCV Cao cấp và tương đương	NCVC và tương đương	Nghiên cứu viên và tương đương	Kỹ thuật viên	(10)	(11)

* Ghi số lượng cán bộ hợp đồng dài hạn và quỹ lương trả cho số cán bộ này.

**KẾT QUẢ 2016 VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH
CẤP QUỐC GIA GIAO CHO BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN NĂM 2017**

(Kèm theo Công văn số /BNN-KHCN ngày tháng 03 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tên cá nhân chủ trì	Thời gian thực hiện		Kinh phí			Kết quả đạt được, địa chỉ áp dụng <i>(Ghi rõ khối lượng công việc đã thực hiện được)</i>
			Bắt đầu	Kết thúc	Tổng	KP hỗ trợ từ NSNN (Trđ)		
						Tổng	Đã cấp đến 2016	
A	Chuyển tiếp sang 2017							
I	Chương trình công nghệ sinh học nông nghiệp và thủy sản							
1	Nhiệm vụ 1							
2	Nhiệm vụ 2							
...								
II	Chương trình KH&CN phục vụ xây dựng nông thôn mới							
1	Nhiệm vụ 1							
2	Nhiệm vụ 2							
...								
III	Chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao							
1	Nhiệm vụ 1							
2	Nhiệm vụ 2							
....								
IV	Chương trình sản phẩm quốc gia							
1	Nhiệm vụ 1							
2	Nhiệm vụ 2							
....								

KẾT QUẢ 2016 VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP BỘ NĂM 2017
 (Kèm theo Công văn số /BNN-KHCN ngày tháng 03 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tên cá nhân chủ trì	Thời gian thực hiện		Kinh phí			Kết quả đạt được, địa chỉ áp dụng (Ghi rõ khối lượng công việc đã thực hiện được)
			Bắt đầu	Kết thúc	Tổng	KP hỗ trợ từ NSNN (Trđ)		
						Tổng	Đã cấp đến hết 2016	
I	Đề tài KH&CN cấp Bộ							
1								
2								
...								
II	Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ							
1								
2								
...								
III	Quý gen							
1								
2								
....								
IV	Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng							
1								
2								
....								
V	Các nhiệm vụ khác							
....								

Đơn vị:.....

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KH&CN 2017*(Kèm theo Công văn số /BNN-KHCN ngày tháng 03 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

STT	Tên Dự án/ công trình	Cơ sở pháp lý (QĐ phê duyệt)	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện		Kinh phí (trđ)		
					Khởi công	Hoàn thành	Tổng vốn đầu tư được duyệt	Kinh phí phân bổ lũy kế đến hết năm 2016	Kế hoạch vốn 2017
I	Dự án chuyển tiếp								
1									
...									
II	Dự án mới								

TỔNG HỢP NHÂN LỰC LÀM VIỆC TẠI PHÒNG THÍ NGHIỆM TRỌNG ĐIỂM
 (Kèm theo Công văn số /BNN-KHCN ngày tháng 03 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên PTN	Số lao động làm việc trong phòng thí nghiệm trọng điểm					Cộng tác viên					Tổng cộng
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
			GS,PGS	Tiến sĩ, Thạc sĩ	Đại học, cao đẳng	Lao động khác		GS,PGS	Tiến sĩ, Thạc sĩ	Đại học, cao đẳng	Lao động khác	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM TRỌNG ĐIỂM

(Kèm theo Công văn số /BNN-KHCN ngày tháng 03 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên PTN	Hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ				Số lượng công trình công bố		Tình hình đăng ký sở hữu trí tuệ		Số lượng cán bộ đào tạo được			Ghi chú
		Tổng số	Số nhiệm vụ cấp nhà nước	Số nhiệm vụ cấp Bộ	Số nhiệm vụ chuyển giao công nghệ	Trong nước	Quốc tế	Sáng chế	Giải pháp hữu ích	Tổng số	Tiến sỹ	Thạc sỹ	

Đơn vị

KẾT QUẢ 2016 VÀ KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUY CHUẨN KỸ THUẬT NĂM 2017
 (Kèm theo Công văn số /BNN-KHCN ngày tháng 03 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên tiêu chuẩn	Đơn vị/cá nhân chủ trì	Thời gian		Kinh phí (tr.đ)			Kết quả (Quyết định ban hành hoặc kết quả thực hiện)
			Bắt đầu	Kết thúc	Tổng	KP từ NSNN		
						Tổng	KP đã cấp đến 2016	

Đơn vị

KẾT QUẢ 2016 VÀ KẾ HOẠCH TĂNG CƯỜNG TRANG THIẾT BỊ NGHIÊN CỨU THUỘC VỐN SNKHCN 2017
 (Kèm theo Công văn số /BNN-KHCN ngày tháng 02 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên phòng thí nghiệm/đơn vị	Địa điểm đầu tư	QĐ phê duyệt	Thời gian		Kinh phí (tr.đ)			Đánh giá hiệu quả khai thác
				Bắt đầu	Kết thúc	Tổng	KP từ NSNN		
							Tổng	KP đã cấp đến 2016	
	Cộng								

Đơn vị

KẾT QUẢ 2016 VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH XÂY DỰNG NHỎ, SỬA CHỮA LỚN NĂM 2017
(Kèm theo Công văn số /BNN-KHCN ngày tháng 02 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Số quyết định phê duyệt	Thời gian		Kinh phí (tr.đồng)			Đánh giá hiệu quả
				Bắt đầu	Kết thúc	Tổng được duyệt	KP từ NSNN		
							Tổng	KP cấp đến năm 2016	

Tên đơn vị:

TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2017
(Kèm theo Công văn số / ngày tháng năm 2016)

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2016	Kinh phí năm 2017	Ghi chú
A	Nhiệm vụ Chính phủ giao										
1.	Nhiệm vụ chuyên tiếp										
..											
2.	Nhiệm vụ mở mới										
....											
B	Nhiệm vụ chuyên môn										
1.	Nhiệm vụ chuyên tiếp										
....											
2.	Nhiệm vụ mở mới										
....											
C	Nhiệm vụ thường xuyên										
..											
	Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng										
1.	Nhiệm vụ chuyên tiếp										
....											
2.	Nhiệm vụ mở mới										
....											

Tên đơn vị:.....

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2015 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016
 (Kèm theo Công văn số / ngày tháng năm 2016)

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí 2015	Kinh phí 2016	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Kết quả chính đạt được (đến 30/6/2016)	Ghi chú
I. Nhiệm vụ/dự án kết thúc năm 2015									
II. Nhiệm vụ/dự án tiếp tục thực hiện năm 2015									
III. Nhiệm vụ/dự án bắt đầu thực hiện từ năm 2016									

Đơn vị:.....

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG NĂM 2015
VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016**

TT	Tên dự án	Tên đơn vị, cá nhân chủ trì	Kết quả, địa điểm triển khai	Thời gian thực hiện		Kinh phí (Trđ)				Ghi chú
				Bắt đầu	Kết thúc	Tổng	Kinh phí NSNN			
							Tổng	KP cấp đến hết 2016	KP đề nghị 2017	